

Số: 07 /NQ-HĐND

Hồng Bàng, ngày 03 tháng 7 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

**Bổ sung, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn
quận Hồng Bàng 5 năm (giai đoạn 2016-2020)**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ 10**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Ngân sách nhà nước năm 2015; Luật Đầu tư công năm 2014; Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về Kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm; Nghị định 59/2015/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý đầu tư xây dựng cơ bản; Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 22/12/2017 của HĐND quận về phát triển giáo dục và đào tạo quận đến năm 2020, định hướng đến năm 2025; Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 22/12/2017 của HĐND quận về chương trình công tác quản lý và phát triển đô thị quận đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Trên cơ sở Nghị quyết số 42/2016/NQ-HĐND ngày 08/8/2016 của Hội đồng nhân dân quận về Kế hoạch đầu tư công năm 2016, dự kiến danh mục công trình đầu tư công năm 2017 và trung hạn 5 năm 2016-2020; Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 22/12/2016 của Hội đồng nhân dân quận về việc quyết định kế hoạch đầu tư công quận Hồng Bàng năm 2017; Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 22/12/2017 quyết định kế hoạch đầu tư công quận Hồng Bàng năm 2018 và Công văn số 16/HĐND-BKTXH ngày 10/8/2018 về việc thông qua chủ trương đầu tư và Kế hoạch Đầu tư công quận năm 2019; Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 18/12/2018 của Hội đồng nhân dân quận về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn quận Hồng Bàng 5 năm (giai đoạn 2016-2020);

Xét Tờ trình số 50/TTr-UBND ngày 03 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân quận về việc về việc bổ sung, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội; ý kiến thảo luận của Đại biểu Hội đồng nhân dân quận,



QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Bổ sung, điều chỉnh Điều 1 Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 18/12/2018 của Hội đồng nhân dân quận về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2021 với các nội dung cụ thể như sau:

1. Nội dung điều chỉnh danh mục, kế hoạch đầu tư công năm 2019:

a) Bổ sung:

- Dự án Hỗ trợ xây mới, sửa chữa nhà ở đối với hộ gia đình người có công với cách mạng có khó khăn về nhà ở trên địa bàn thành phố Hải Phòng tổng mức đầu tư: 740.000.000 đồng.

- Công trình: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất tại khu Đống Hương 2, phường Quán Toan; Hạng mục: San lấp mặt bằng với tổng mức đầu tư: 420.000.000 đồng.

- Bổ sung chủ trương đầu tư cho 15 công trình, hạng mục công trình ưu tiên đầu tư trong năm 2019 với tổng mức đầu tư là: 44.220.247.653 đồng. Trong đó:

Phục vụ về việc xây dựng trường đạt chuẩn Quốc gia gồm:

+ 02 công trình lĩnh vực giáo dục với tổng mức đầu tư là: 3.204.937.000 đồng.

Các công trình ưu tiên đầu tư gồm:

+ 07 công trình lĩnh vực giáo dục với tổng mức đầu tư là: 29.161.068.382 đồng.

+ 01 công trình lĩnh vực giao thông với tổng mức đầu tư là: 798.576.271 đồng.

+ 02 công trình lĩnh vực Quản lý nhà nước với tổng mức đầu tư là: 517.329.000 đồng.

+ 01 công trình lĩnh vực Quốc phòng với tổng mức đầu tư là: 397.262.000 đồng.

Các công trình xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn quận gồm:

+ 02 công trình xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất với tổng mức đầu tư là: 10.141.102.000 đồng.

(Chi tiết danh mục công trình ưu tiên năm 2019 theo phụ lục số 01 đính kèm)

b) Điều chỉnh tổng mức đầu tư công trình Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất tại khu đồng Đống Chuối 1+2, phường Hùng Vương, quận Hồng Bàng; Hạng mục: Cây xanh với giá trị sau điều chỉnh là: 2.649.159.000 đồng; Hạng mục: Cáp điện với giá trị sau điều chỉnh là: 6.610.663.000 đồng (Bổ sung thêm 01 trạm biến áp).

2. Nội dung điều chỉnh danh mục, kế hoạch đầu tư công năm 2020:

a) Bổ sung:

- Bổ sung và điều chỉnh giảm một số dự án, công trình, hạng mục công trình do yêu cầu nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội và chỉnh trang đô thị theo nghị quyết của Quận ủy, nghị quyết của Hội đồng nhân dân quận.
- Bổ sung nguồn vốn dự kiến cho từng dự án, công trình, hạng mục công trình
- Bổ sung dự án Hỗ trợ xây mới, sửa chữa nhà ở đối với hộ gia đình người có công với cách mạng có khó khăn về nhà ở trên địa bàn thành phố Hải Phòng tổng mức đầu tư: 3.000.000.000 đồng.

a) Điều chỉnh:

- Điều chỉnh tên gọi chi tiết các dự án công trình, hạng mục công trình
- Tổng mức đầu tư kế hoạch đầu tư công năm 2020 điều chỉnh giảm 8.465.000.000 đồng.
- Điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn và phương án phân bổ nguồn vốn kế hoạch đầu tư công năm 2020:
Tổng kinh phí phân bổ năm 2020 điều chỉnh tăng: 64.942.000.000 đồng.

Trong đó:

Nguồn vốn ngân sách thành phố:	100.000.000.000 đồng
Nguồn tiền đất:	40.000.000.000 đồng
Nguồn vốn khác:	224.942.610.420 đồng
Tổng cộng:	364.942.610.420 đồng

(Chi tiết kế hoạch Đầu tư công năm 2020 theo phụ lục số 02 đính kèm)

3. Mục tiêu, định hướng:

a) Mục tiêu: Sử dụng vốn đầu tư công, thu hút tối đa và sử dụng có hiệu quả; phục vụ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội cấp thiết theo Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội quận Hồng Bàng đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội quận 5 năm giai đoạn 2016-2020 và hằng năm.

b) Định hướng: Huy động mọi nguồn lực để đầu tư đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội của quận, hoàn thiện tiêu chí đô thị loại 1 trung tâm cấp quốc gia, hướng tới đô thị thông minh đáp ứng yêu cầu xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng nói chung và của quận Hồng Bàng nói riêng trong

thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng Nghị quyết Đại hội Đảng bộ quận lần thứ XXII, Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội quận Hồng Bàng đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội quận 5 năm giai đoạn 2016-2020 và hằng năm.

4. Nguyên tắc phân bổ vốn đầu tư công:

a) Việc phân bổ vốn phải phục vụ cho việc thực hiện các mục tiêu, định hướng phát triển quận; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ quận lần thứ XXII; Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội quận Hồng Bàng đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội quận 5 năm giai đoạn 2016-2020 và hằng năm.

b) Tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước, các quy định hiện hành có liên quan của Thủ tướng Chính phủ, các chỉ thị của thành phố và hướng dẫn của các sở ngành liên quan về đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020 và phù hợp với tình hình, yêu cầu thực tế của quận.

c) Trên cơ sở các kết quả đã thực hiện trong năm 2016, 2017, 2018, 6 tháng đầu năm 2019 và dự kiến 2020, tiếp tục tập trung bố trí vốn đầu tư công của quận trong các năm 2020-2021 để hoàn thành dứt điểm các dự án, công trình, hạng mục công trình trong giai đoạn 2016-2019 chuyển tiếp và tổ chức thực hiện kế hoạch đầu tư công 2020 đảm bảo hoàn thành kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2016 -2020.

5. Thứ tự ưu tiên trong phân bổ vốn đầu tư công của quận giai đoạn 2016-2020:

Các nguồn vốn đầu tư công của quận giai đoạn 2016-2020 thực hiện phân bổ theo thứ tự ưu tiên sau:

a) Thanh toán các công trình chuyển tiếp thực hiện và dự kiến hoàn thành trong năm 2019, 2020 của giai đoạn 2016-2019, không để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản.

b) Thanh toán kinh phí chuẩn bị đầu tư các công trình khởi công mới.

c) Thanh toán vốn thực hiện đầu tư các dự án, công trình, hạng mục công trình ưu tiên các dự án quan trọng, cấp bách cần ưu tiên đầu tư.

d) Bố trí bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công do quận quản lý (từ nguồn ngân sách thành phố, nguồn tiền đất và các nguồn vốn hợp lệ khác) cho các dự án đầu giá đất trên địa bàn.

e) Bố trí kinh phí dự phòng cho các công trình cấp bách phát sinh.

6. Một số nhiệm vụ và giải pháp thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020:

a) Rà soát lại các dự án, công trình trong danh mục đầu tư hằng năm, đánh giá và đề nghị bổ sung, điều chỉnh theo nhiệm vụ, mục tiêu của quận hàng năm.

Tiếp tục cơ cấu lại chi ngân sách quận, tiết kiệm chi thường xuyên theo hướng tăng dần tỷ lệ chi cân đối ngân sách quận cho đầu tư phát triển hằng năm.

b) Tập trung cao xây dựng các dự án, công trình có quy mô lớn hình thành chủ trương đầu tư làm cơ sở huy động các nguồn vốn.

c) Chỉ quyết định chủ trương đầu tư những dự án, công trình thật sự cần thiết khi đã thẩm định, làm rõ hiệu quả của dự án, công trình nguồn vốn, khả năng cân đối vốn của từng dự án, công trình.

d) Đẩy mạnh thực hiện chủ trương xã hội hóa đối với các công trình đầu tư, các dịch vụ công trong lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo, dạy nghề, văn hóa, thể thao và các dịch vụ công ích.

e) Vận động các tổ chức và cá nhân ủng hộ xã hội hóa để tăng cường đầu tư các công trình phục vụ an sinh xã hội đặc biệt là các công trình đường, ngõ có quy mô lớn, trường học, nhà văn hóa để giảm cơ cấu nguồn vốn từ ngân sách.

f) Khai thác các nguồn thu, đặc biệt là thu tiền sử dụng đất để có thêm nguồn vốn chi đầu tư xây dựng cơ bản.

g) Triển khai các dự án đầu tư phải đúng mức vốn kế hoạch được giao, không để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản. Thực hiện có hiệu quả nguồn vốn dự phòng trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm.

h) Nâng cao năng lực quản trị các dự án, công trình và quản lý nhà nước về đầu tư công. Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương trong quản lý đầu tư công. Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, nâng cao trình độ, năng lực, tinh thần trách nhiệm của người lập, thẩm định chủ trương đầu tư, thẩm định dự án; trang bị đủ điều kiện về cơ sở vật chất, đặc biệt là các trang thiết bị, các phần mềm hiện đại cho công tác quản lý đầu tư công.

Điều 2. Các nội dung khác không sửa đổi, bổ sung giữ nguyên theo Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân quận về Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn quận Hồng Bàng 5 năm (giai đoạn 2016-2020).

Điều 3. Hội đồng nhân dân quận giao:

1. Ủy ban nhân dân quận xây dựng kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết, báo cáo kết quả thực hiện tại các kỳ họp HĐND quận.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân quận giám sát việc thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân quận khoá XVIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 03/7/2019 và có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Noi nhận:

- TT. HĐND, UBND thành phố;
- Sở: TC, KHĐT;
- TT. QU - HĐND - UBND quận; UB MTTQ VN quận;
- Các Ban HĐND quận;
- Các TĐB, Đại biểu HĐND quận;
- Các phòng ban thuộc quận;
- Kho bạc Nhà nước quận;
- ĐU, HĐND, UBND 11 phường;
- Bản tin Đảng bộ quân;
- Cổng thông tin điện tử HĐND quận;
- Lưu: VT, HSKH.



Trần Quang Tuấn

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
QUẬN HỒNG BÀNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ƯU TIÊN ĐẦU TƯ NĂM 2019

(Kèm theo Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 03/7/2019 của HĐND quận Hồng Bàng)

STT	NỘI DUNG	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ	KINH PHÍ CBĐT
	TỔNG	44.220.274.653	250.000.000
	GIÁO DỤC	32.366.005.382	160.000.000
	Mầm non Hùng Vương	3.204.937.000	30.000.000
1	Xây mới nhà chức năng 2 tầng	2.302.849.000	20.000.000
2	Cải tạo, sửa chữa cổng, tường rào, bồn hoa, vườn cổ tích, nhà bảo vệ	902.088.000	10.000.000
	Mầm non Bạch Đằng	1.500.000.000	20.000.000
3	Làm sân khấu, nhà xe, bổ sung hệ thống thoát nước mặt, vỉa hè phía trước cổng, tranh sơn tường, thang tời	1.500.000.000	20.000.000
	TT Bồi dưỡng Chính trị	440.789.000	10.000.000
4	Cải tạo sửa chữa các phòng chức năng, sảnh tầng 2 và khu WC	440.789.000	10.000.000
	Mầm non Hạ Lý	1.123.696.000	20.000.000
5	Cải tạo sửa chữa khu hiệu bộ, các dãy nhà lớp học	1.123.696.000	20.000.000
	NDT Hoa Phượng	2.323.328.000	20.000.000
6	Chống thấm, chống dột toàn bộ mái nhà	2.323.328.000	20.000.000
	Mầm non 3	23.380.000.000	50.000.000
7	Phá dỡ nhà cũ, xây dựng nhà lớp học 3 tầng khu A	14.070.000.000	30.000.000
8	Xây dựng nhà lớp học 3 tầng khu B và các hạng mục phụ trợ	9.310.000.000	20.000.000
	MG Thượng Lý	393.255.382	10.000.000
9	Cải tạo, SC phòng hiệu trưởng, nhà lớp học 3 tầng, sân sau	393.255.382	10.000.000
	GIAO THÔNG	798.576.271	20.000.000
	P.PHAN BỘI CHÂU	798.576.271	20.000.000

10	CT: Cải tạo, nâng cấp hè đường Tôn Đản, phường Phan Bội Châu HM: Đan rãnh, thoát nước và hoàn trả nền mặt đường	798.576.271	20.000.000
	QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC	517.329.000	20.000.000
11	Cải tạo khu WC, phòng trưởng ban Đèn Liết Sỹ quận	200.151.000	10.000.000
12	Cải tạo, SC hội trường UBND phường Phan Bội Châu	317.178.000	10.000.000
	QUỐC PHÒNG	397.262.000	10.000.000
13	Cải tạo, SC trụ sở làm việc Ban chỉ huy quân sự quận	397.262.000	10.000.000
	GPMB, SAN LẤP, HẠ TẦNG KỸ THUẬT CÁC KHU ĐẤT ĐẦU GIÁ	10.141.102.000	40.000.000
14	Công trình: Đầu tư XD cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất tại khu đồng Đồng Chuối 1+2, phường Hùng Vương, Q.Hồng Bàng, HM: Hệ thống thoát nước (cống hộp)	3.362.429.000	20.000.000
15	Công trình: Đầu tư xây dựng tuyến đường từ đường QL5 vào đường Trương Văn Lực, phường Hùng Vương, quận Hồng Bàng Hạng mục: Nền mặt đường và hệ thống thoát nước	6.778.673.000	20.000.000



THỦ TƯỚNG

HỘ KHỐI DÂN HÀN DÂN
QUẬN HỒNG BÀNG



KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG QUÁN HỒNG BÀNG NĂM 2020
(Kèm theo Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 03/7/2019 của Hội đồng nhân dân quận Hồng Bàng)

ĐVT: đồng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số	NỘI DUNG	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ	KINH PHÍ CBĐT	LŨY KẾ VỐN BỎ TRÌ TRƯỚC 2020	KINH PHÍ PHÂN BỐ			GHI CHÚ
					TỔNG	NSTP	ĐÁT	
	TỔNG	485.561.326.157	455.000.000	44.829.080.661	364.942.610.420	100.000.000.000	40.000.000.000	224.942.610.420
A	CÁC CÔNG TRÌNH CHUYÊN TIẾP HOÀN THÀNH, QUYẾT TOÁN TRONG NĂM 2020							
I	THÀNH PHỐ QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ	10.050.000.000	0	8.500.000.000	1.550.000.000	0	0	1.550.000.000
I	Dự án xây dựng Chính quyền điện tử quận	10.050.000.000		8.500.000.000	1.550.000.000			1.550.000.000
II	QUẬN QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ	97.202.910.000	0	35.988.110.661	51.604.766.339	41.144.852.339	10.459.914.000	0
	GIÁO DỤC	66.907.001.000	0	33.220.536.000	33.686.465.000	29.186.465.000	4.500.000.000	0
	MÀM NON	37.644.304.000	0	14.470.022.000	23.174.282.000	18.674.282.000	4.500.000.000	0
2	CT: Trường mầm non 3 HM: Phá dỡ nhà cũ, xây dựng nhà lớp học 3 tầng khu A	14.070.000.000		7.933.531.000	6.136.469.000	6.136.469.000		
3	CT: Trường mầm non 3 HM: Xây dựng nhà lớp học 3 tầng khu B và các hạng mục phụ trợ	9.310.000.000		20.000.000	9.290.000.000	4.790.000.000	4.500.000.000	
4	CT: Trường MN Quận Toan HM:Xây dựng nhà lớp học 3 tầng khu A	14.264.304.000		6.516.491.000	7.747.813.000	7.747.813.000		
5	CT: Trường Tiểu học Hưng Vương HM: Xây mới nhà da năng	5.566.398.000	0	2.410.944.000	3.155.454.000	3.155.454.000	0	0
THCS		23.696.299.000	0	16.339.570.000	7.356.729.000	7.356.729.000	0	0
6	CT: Trường THCS Bạch Đằng HM: Xây mới nhà lớp học 3 tầng khu C	10.848.283.000		7.558.947.000	3.289.336.000	3.289.336.000		

7	CT: Trường THCS Quán Toan HM: Xây dựng nhà lớp học 3 tầng (đơn nguyên 1)	12.848.016.000		8.780.623.000	4.067.393.000			
LẬP BẢN ĐỒ QH CHI TIẾT TỶ LỆ 1/500		15.569.947.000	0	0	5.959.914.000	0	5.959.914.000	0
8	Lập bản đồ quy hoạch chi tiết 1/500 phường Quán Toan	4.196.576.000			1.492.051.000		1.492.051.000	
9	Lập bản đồ quy hoạch chi tiết 1/500 phường Hạ Lý	2.674.665.000		739.361.000		739.361.000		
10	Lập bản đồ quy hoạch chi tiết 1/500 phường Thượng Lý	3.519.157.000		1.207.275.000		1.207.275.000		
11	Lập bản đồ quy hoạch chi tiết 1/500 phường Sở Đầu	5.179.549.000		2.521.227.000		2.521.227.000		
QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC		14.725.962.000	0	2.767.574.661	11.958.387.339	11.958.387.339	0	0
12	Xây mới trụ sở phường Hoàng Văn Thủ	14.725.962.000		2.767.574.661	11.958.387.339	11.958.387.339		
B	CÁC CÔNG TRÌNH KHÔI CÔNG MỚI NĂM 2020 (Phê duyệt 2017)	19.584.588.000	0	125.970.000	18.199.732.000	9.346.495.000	8.853.237.000	0
I	THÀNH PHỐ QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ							
II	QUẬN QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ	19.584.588.000	0	125.970.000	18.199.732.000	9.346.495.000	8.853.237.000	0
	GIAO DỤC ĐÀO TẠO	18.240.581.000	0	110.970.000	16.952.425.000	9.346.495.000	7.605.930.000	0
	MẦM NON	8.607.603.000	0	20.000.000	8.326.598.000	8.326.598.000	0	0
	MN Bình Minh	7.474.103.000	0	10.000.000	7.263.449.000	7.263.449.000	0	0
1	CT: Trường Mầm non Bình Minh HM: Xây dựng các công trình phụ trợ (GPMB, san lấp, cống, uốn bao, sân, thoát nước, nhà xe, nhà bảo vệ...)	7.474.103.000		10.000.000	7.263.449.000	7.263.449.000		
MN Trai Chuối		1.133.500.000	0	10.000.000	1.063.149.000	1.063.149.000	0	0
2	CT: Trường Mầm non Trai Chuối HM: Cải tạo sân, sơn mặt ngoài khu A	1.133.500.000		10.000.000	1.063.149.000	1.063.149.000		
TIÊU HỌC		2.614.213.000	0	50.970.000	2.573.243.000	1.019.897.000	1.553.346.000	0
3	CT: Trường Tiểu học Ngõ Gia Tự HM: Ôp gạch phòng học tầng 1 khu B	407.344.000	0	30.970.000	386.374.000	0	386.374.000	0
TH Nguyễn Huệ		2.206.869.000	0	20.000.000	2.186.869.000	1.019.897.000	1.166.972.000	0

4	CT: Trưởng TH Nguyễn Huệ HM: Lát sân trường, cải tạo công trường bao	1.029.897.000	10.000.000	1.019.897.000	1.019.897.000		
5	CT: Trưởng TH Nguyễn Huệ HM: Cải tạo sửa chữa nhà lớp học 3 tầng	1.176.972.000	10.000.000	1.166.972.000	1.166.972.000		
	THCS	7.018.765.000	0	40.000.000	6.052.584.000	0	6.052.584.000
6	THCS Trần Văn Öl	624.765.000	0	10.000.000	582.584.000	0	582.584.000
7	CT: Trưởng THCS Quán Toan HM: Xây dựng nhà da năng	6.394.000.000	0	30.000.000	5.470.000.000	0	5.470.000.000
	GIAO THÔNG	1.344.007.000	0	15.000.000	1.247.307.000	0	1.247.307.000
8	CT: Cải tạo đường nội bộ khu TDP Tân Đức Tháng 1 phường Sô Dầu	1.344.007.000	15.000.000	1.247.307.000	1.247.307.000		
C	CÁC CÔNG TRÌNH KHÔI CÔNG MỚI NĂM 2020 (Phê duyệt 2018)	111.187.227.000	0	215.000.000	111.678.648.000	17.355.964.000	4.322.684.000
I	THÀNH PHỐ QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ						
II	QUẬN QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ	111.187.227.000	0	215.000.000	111.678.648.000	17.355.964.000	4.322.684.000
	GIÁO DỤC ĐÀO TẠO	19.549.111.000	0	195.000.000	20.060.532.000	15.737.848.000	4.322.684.000
	MÂM NƠN	10.532.708.000	0	105.000.000	10.240.129.000	8.036.284.000	2.209.845.000
1	CT: Trưởng MN Bình Minh HM: Cải tạo, sửa chữa các hạng mục (đường nước, nhà vệ sinh, trần, công, tường rào, hệ thống cửa...)	1.339.889.000	15.000.000	1.254.058.000	1.254.058.000		
2	CT: Trưởng MN Hà Lý HM: Cải tạo khu bếp ăn	428.314.000	10.000.000	418.314.000	418.314.000		
3	CT: Trưởng MN Trai Chuối HM: Cải tạo sửa chữa các hạng mục (khu vườn cỏ tích, nhà vệ sinh, mái, cửa ra vào, cửa sổ, tường bao, sân khấu. phòng chức năng...)	2.073.029.000	20.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000		
4	CT: Trưởng MN Phạm Hồng Thái HM: Cải tạo, sửa chữa các hạng mục (hệ thống đường nước, phòng lớp học, khu vệ sinh, hệ thống cửa, đường thoát nước thải khu bếp ăn)	3.229.845.000	20.000.000	3.209.845.000	1.000.000.000	2.209.845.000	

3
3

5	CT: Trưởng MN Sơn Ca HM: Xây mới nhà bảo vệ, công trường, tường rào, lát sân trường	1.609.245.000		15.000.000	1.594.245.000	1.594.245.000	
6	CT: MN Sở Dầu HM:Cải tạo hệ thống cửa ra vào, sân khấu	1.201.874.000		15.000.000	1.123.155.000	1.123.155.000	
7	CT:MG Thượng Lý HM:Cải tạo hệ thống cửa sổ lớp A1, A2 và nhà kho thành nhà vệ sinh lớp A1	650.512.000		10.000.000	640.512.000	640.512.000	
TIỀU HỌC		6.767.564.000	0	60.000.000	6.707.564.000	6.707.564.000	0
8	CT: Trường TH Nguyễn Huệ HM: Cải tạo các phòng lớp học khu nhà A (son bả, ốp gạch nền và tường, đóng trần)	1.968.837.000		20.000.000	1.948.837.000	1.948.837.000	
9	CT: Trường TH Bạch Đăng HM: Cải tạo khu nhà ăn, bếp	1.542.242.000		20.000.000	1.522.242.000	1.522.242.000	
10	CT: Trường TH Quán Toan HM: Xây mới khu nhà ăn và bể nước	3.256.485.000		20.000.000	3.236.485.000	3.236.485.000	
THCS		2.248.839.000	0	30.000.000	3.112.839.000	1.000.000.000	2.112.839.000
11	CT: Trường THCS Quán Toan HM: Sửa chữa khu nhà vệ sinh, lắp ao làm khu tập thể dục thể thao	1.195.324.000		10.000.000	1.185.324.000	1.185.324.000	
12	CT: Trường THCS Trần Văn Öl HM: Cải tạo khu nhà 3 tầng: Trát gán vách tường, sơn bả mài phía trước khu nhà và tường đầu hồi, khu nhà vệ sinh; Cải tạo các phòng lớp học (son bả, ốp gạch nền phòng học...)	1.053.515.000		20.000.000	1.927.515.000	1.000.000.000	927.515.000
QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC		1.638.116.000	0	20.000.000	1.618.116.000	1.618.116.000	0
13	CT: Trụ sở phường Phạm Hồng Thái Hạng mục: Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp trụ sở phường (son bả trụ sở, bộ phận 1 cửa, phòng làm việc, nhà để xe, hệ thống cửa chính...)	588.116.000		10.000.000	578.116.000	578.116.000	
14	CT: Trung tâm Chính trị - Hành chính quận HM: Đỗ đất màu, trồng cây xanh, đổ bê tông lối đi, lát hàng rào	1.050.000.000		10.000.000	1.040.000.000	1.040.000.000	

10/12/2023 14:11:11

THẺ DỤC THỂ THAO		90.000.000.000	0	0	90.000.000.000	0	0	90.000.000.000
15	Trung tâm thể dục thể thao quận Hồng Bàng tại phường Hùng Vương (giai đoạn 1)	90.000.000.000			90.000.000.000			90.000.000.000
D	CÁC CÔNG TRÌNH KHÔI CÔNG MỚI NĂM 2020 (phê duyệt 2019)	247.536.601.157	455.000.000	0	179.909.464.081	32.152.688.661	14.364.165.000	133.392.610.420
I	THÀNH PHỐ QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ	3.000.000.000	0	0	3.000.000.000	0	0	3.000.000.000
1	Hỗ trợ xây mới, sửa chữa nhà ở đối với hộ gia đình người có công với cách mạng có khó khăn về nhà ở trên địa bàn thành phố Hải Phòng	3.000.000.000			3.000.000.000			3.000.000.000
II	QUẬN QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ	244.536.601.157	455.000.000	0	176.909.464.081	32.152.688.661	14.364.165.000	130.392.610.420
	GIÁO DỤC ĐÀO TẠO	107.227.490.737	365.000.000	0	39.900.353.661	25.536.188.661	14.364.165.000	0
	MẦM NON	48.276.257.000	165.000.000	0	16.770.000.000	6.625.000.000	10.145.000.000	0
2	Mầm non 2	750.000.000	15.000.000	0	735.000.000	735.000.000	0	0
2	Xây mới tường bao, cổng tường rào	750.000.000	15.000.000		735.000.000	735.000.000		
	Mầm non Hạ Lý	2.500.000.000	15.000.000	0	985.000.000	0	985.000.000	0
3	Cải tạo các nhà WC, chống đột các dây nhà lớp học	2.500.000.000	15.000.000		985.000.000		985.000.000	
	Mầm non Quang Trung	3.800.000.000	15.000.000	0	1.000.000.000	1.000.000.000	0	0
4	Xây mới tầng 3 dãy nhà 2 tầng	3.800.000.000	15.000.000		1.000.000.000	1.000.000.000		
	MN Bình Minh	29.026.257.000	60.000.000	0	3.000.000.000	3.000.000.000	0	0
5	Xây dựng nhà lớp học 3 tầng	14.998.132.000	30.000.000		2.000.000.000	2.000.000.000		
6	Xây dựng nhà hiệu bộ-chức năng 3 tầng	14.028.125.000	30.000.000		1.000.000.000	1.000.000.000		
	Mầm non 1	2.500.000.000	10.000.000	0	2.400.000.000	400.000.000	2.000.000.000	0
7	Cải tạo cầu thang khu nhà biệt thự, hệ thống điện nước, chống thám, dột khu B và khu nhà hành chính	2.500.000.000	10.000.000		2.400.000.000	400.000.000	2.000.000.000	
	Mầm non 5	1.200.000.000	10.000.000	0	2.190.000.000	0	2.190.000.000	0
8	Cải tạo hệ thống thoát nước, lát lại nền sân trường	1.200.000.000	10.000.000		2.190.000.000		2.190.000.000	
	Mầm non Sơn Ca	4.500.000.000	15.000.000	0	3.485.000.000	0	3.485.000.000	0
9	Xây mới tầng 3	1.088.304.000	5.000.000		1.083.304.000		1.083.304.000	
10	Xây cầu thang thoát hiểm, nhà cầu và lợp tôn chống nóng tầng 3	866.480.000	5.000.000		861.480.000		861.480.000	

5

11	Cải tạo các phòng lớp học	2.545.216.000	5.000.000		1.540.216.000		1.540.216.000	
	Màm non Hoa Sen	2.000.000.000	15.000.000	0	1.485.000.000	0	1.485.000.000	0
12	Cải tạo một số phòng lớp học, khu bếp	2.000.000.000	15.000.000	1.485.000.000	1.485.000.000			
13	Nhà trẻ 19-5	2.000.000.000	10.000.000	0	1.490.000.000	1.490.000.000	0	0
13	Cải tạo sửa chữa khu bếp, khu vui chơi	2.000.000.000	10.000.000	1.490.000.000	1.490.000.000			
	TIỂU HỌC	21.556.252.737	65.000.000	0	10.720.372.661	8.501.207.661	2.219.165.000	0
	Tiểu học Bạch Đằng	1.856.252.737	20.000.000	0	1.836.252.737	1.836.252.737	0	0
14	Cải tạo SC khu B, phòng y tế, nhà WC khu A (Cải tạo SC khu B, sơn tường bao, nhà bảo vệ)	1.856.252.737	20.000.000	1.836.252.737	1.836.252.737			
	TH Hùng Vương	14.450.000.000	20.000.000	0	5.904.119.924	3.684.954.924	2.219.165.000	0
15	Khu nhà 3 tầng 12 phòng học	14.450.000.000	20.000.000	5.904.119.924	3.684.954.924	2.219.165.000		
	TH Nguyễn Huệ	3.500.000.000	15.000.000	0	1.485.000.000	1.485.000.000	0	0
16	Cải tạo khu lớp học; tường bao	3.500.000.000	15.000.000	1.485.000.000	1.485.000.000			
	TH Ngô Gia Tự	1.750.000.000	10.000.000	0	1.495.000.000	1.495.000.000	0	0
17	Phá dỡ và xây mới khu bếp, khu nhà WC	1.750.000.000	10.000.000	1.495.000.000	1.495.000.000			
	THCS	36.250.000.000	125.000.000	0	11.275.000.000	9.275.000.000	2.000.000.000	0
	THCS Ngô Gia Tự	14.500.000.000	50.000.000	0	3.000.000.000	1.000.000.000	2.000.000.000	0
18	Xây mới khu nhà lớp học	14.500.000.000	50.000.000	3.000.000.000	1.000.000.000	2.000.000.000		
	THCS Quán Toan	20.250.000.000	65.000.000	0	6.785.000.000	6.785.000.000	0	0
19	Phá dỡ nhà lớp học 2 tầng cũ, cải tạo lại khuôn viên sân trường	4.750.000.000	15.000.000	1.735.000.000	1.735.000.000			
20	Xây mới khu nhà lớp học 3 tầng (đon nguyên 2)	15.500.000.000	50.000.000	5.050.000.000	5.050.000.000			
21	Cải tạo khu nhà lớp học	1.500.000.000	10.000.000	1.490.000.000	1.490.000.000			
	TT GDNN & GDĐT quận	1.144.981.000	10.000.000	0	1.134.981.000	1.134.981.000	0	0
22	Cải tạo khu nhà thực hành	1.144.981.000	10.000.000	1.134.981.000	1.134.981.000			
	GIAO THÔNG	6.166.500.000	40.000.000	0	6.126.500.000	6.126.500.000	0	0
	HƯNG VƯƠNG	3.166.500.000	30.000.000	0	3.136.500.000	3.136.500.000	0	0
23	Cải tạo nâng cấp hệ thống thoát nước khu dân cư phường Hùng Vương (lập thê 2/9 xuống đường 5/5)	1.080.000.000	10.000.000	1.070.000.000	1.070.000.000			

24	Cải tạo nâng cấp hệ thống thoát nước khu dân cư phường Hùng Vương, Hệ thống thoát nước tờ Cam Lộ 3 (cạnh Công ty TNHH 190)	862.500.000	10.000.000	852.500.000	852.500.000		
25	Cải tạo nâng cấp hệ thống thoát nước khu dân cư phường Hùng Vương, Hệ thống thoát nước tại ngõ 485, tờ đường 5/2	1.224.000.000	10.000.000	1.214.000.000	1.214.000.000		
	SỔ ĐẦU	3.000.000.000	10.000.000	0	2.990.000.000	2.990.000.000	0
26	Cải tạo, nâng cấp đoạn đường từ đường An Lạc 2 đến số 57 đường Hồng Bàng	3.000.000.000	10.000.000	2.990.000.000	2.990.000.000	0	
	QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC	500.000.000	10.000.000	0	490.000.000	490.000.000	0
27	Cải tạo, sửa chữa khu vệ sinh 3 tầng nhà làm việc UBND phường Quán Toan	500.000.000	10.000.000	490.000.000	490.000.000		
	GPMB, SAN LẤP, HẠ TẦNG KĨ THUẬT CÁC KHU ĐẤT ĐẤU GIÁ	130.642.610.420	40.000.000	0	130.392.610.420	0	0
28	Chi phí GPMB và đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ ĐGQSDD khu đất Quỳnh Cư 1 phường Hùng Vương	12.800.000.000		12.770.000.000		12.770.000.000	
29	Chi phí GPMB và đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ ĐGQSDD khu đất Quỳnh Cư 2 phường Hùng Vương	8.000.000.000		7.980.000.000		7.980.000.000	
30	Chi phí GPMB và đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ ĐGQSDD khu đất Quỳnh Cư 4 phường Hùng Vương	6.000.000.000		5.980.000.000		5.980.000.000	
31	Chi phí GPMB và đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ ĐGQSDD khu đất Quỳnh Cư 6 phường Hùng Vương	1.600.000.000		1.580.000.000		1.580.000.000	
32	Chi phí GPMB dự án xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư tại khu đất 124 Hả Lý, phường Hả Lý, quận Hồng Bàng	9.500.000.000		9.480.000.000		9.480.000.000	
33	Chi phí phá dỡ dự án xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư tại khu đất 124 Hả Lý, phường Hả Lý, quận Hồng Bàng	4.500.000.000		4.480.000.000		4.480.000.000	



34	Chi phí GPMB và đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ ĐGQSDD khu nhà ở phục vụ tái định cư cạnh Chợ đầu mối phường Sô Dầu,quận Hồng Bàng	58.818.780.000			58.788.780.000	58.788.780.000
35	Chi phí GPMB và đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ ĐGQSDD khu đất Cam Lộ 7 phường Hùng Vương	4.800.000.000			4.780.000.000	4.780.000.000
36	Chi phí GPMB và đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ ĐGQSDD khu N02 phường Sô Dầu	12.000.000.000			11.970.000.000	11.970.000.000
37	Chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư tại khu đất 124 Hà Lý, phường Hà Lý, quận Hồng Bàng	5.845.157.420	20.000.000		5.825.157.420	5.825.157.420
38	CT:Xây dựng tuyến đường từ đường QL5 vào đường Trương Văn Lực, phường Hùng Vương, quận Hồng Bàng HĐM: Nền mặt đường và hệ thống thoát nước	6.778.673.000	20.000.000		6.758.673.000	6.758.673.000
E	KINH PHÍ THANH TOÁN VỐN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ KCM NĂM 2021				1.000.000.000	1.000.000.000
F	DỰ PHÒNG CHI				1.000.000.000	1.000.000.000